

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HM
THÀNH PHỐ HN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2023

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị N – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim D

2. Bà Tạ Thị T

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh N - Thư ký Tòa án nhân dân quận HM.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HM tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận HM xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 440/2023/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 06 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1986

HKTT: P528 – HH1B L, HL, quận HM, TP HN.

Chỗ ở: Số 1 Ngách 7 Ngõ 36 T, quận HM, thành phố HN.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Bùi Tiến Q, sinh năm 1980.

HKTT và chỗ ở: P528 – HH1B L, phường HL, quận HM, thành phố HN.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án, nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày:

Về tình cảm: Chị Trịnh Thị H và anh Bùi Tiến Q kết hôn tự nguyện, có đăng lý kết hôn ngày 26 tháng 11 năm 2009 tại UBND phường Đ, thành phố TH, tỉnh TH. Sau khi kết hôn được vài tháng anh Q và chị bắt đầu có mâu thuẫn, chị nghi ngờ anh Q có ngoại tình. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh Q hành hung đánh đập chị nhiều lần. Gia đình chị đã gặp và nói chuyện yêu cầu anh Q không đánh chị nữa nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, tình cảm không còn, tình cảm vợ chồng rơi vào tình trạng căng thẳng, ảnh hưởng đến sức khỏe công việc của hai bên. Chị Trịnh Thị H và anh Bùi Tiến Q đã nói chuyện nhưng không tìm được tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm của vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, chị Trịnh Thị H đề nghị Tòa án nhân dân quận HM giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Tiến Q.

Về con chung: Chị Trịnh Thị H và anh Bùi Tiến Q có 02 con chung là cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 26/10/2010 và cháu Bùi Tiến S, sinh ngày 17/8/2012.

Hiện nay cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 26/10/2010 đang ở với anh Bùi Tiến Q, cháu Bùi Tiến S, sinh ngày 17/8/2012 đang ở với tôi.

Chị Trịnh Thị H mong muốn nuôi cả 02 cháu. Nếu không được nuôi cả hai cháu chị đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nhà đất chung: Chị Trịnh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trịnh Thị H tự nguyện chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Bùi Tiến Q đã được Tòa án tổng đạt văn bản hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án tuy nhiên anh Q vắng mặt không có lý do và không có quan điểm trình bày gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày do nghi ngờ anh Q ngoại tình nên chị và anh Q thường xuyên cãi nhau và anh Q thường xuyên đánh đập chị. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Bùi Tiến Q.

Về con chung: Chị Trịnh Thị H và anh Bùi Tên Q có 02 con chung là cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 26/10/2010 và cháu Bùi Tiến S, sinh ngày 17/8/2012. Cháu L hiện đang sống cùng với anh Q, cháu T Sang hiện đang sống cùng với chị.

Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Bùi Tiến S, sinh ngày 17/8/2012; anh Q trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 26/10/2010 và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Tiến Q đã được Tòa án tổng đạt văn bản hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh Q vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HM tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

+ Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện việc giao thông báo của Tòa án cho các đương sự, tiến hành các bước tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, HĐXX đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng.

+ Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các thông báo, giấy báo của Tòa án. Bị đơn không thực hiện đúng quy định theo điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng trình tự tố tụng và đúng quy định của pháp luật.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 56; Khoản 2 Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ: Khoản 1, Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 39; Khoản 1, Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Cho chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Bùi Tiến Q.

Về con chung: Chị H và anh Q có 02 con chung là cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 26/10/2010 và cháu Bùi Tiến S, sinh ngày 17/8/2012. Xét điều kiện công việc và thu nhập trung bình hàng tháng của chị H đề nghị HĐXX xem xét giao cháu Bùi Tiến S, sinh ngày 17/8/2012 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 26/10/2010 cho anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Tiến S, anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Khánh L, do vậy không bên nào phải đóng góp phí tổn nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Chị Trịnh Thị H và anh Bùi Tiến Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H thuộc những tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận HM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Bùi Tiến Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên anh Q vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Tiến Q.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy chị Trịnh Thị H và anh Bùi Tiến Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 11 năm 2009 tại UBND phường Đ, TP TH, tỉnh TH. Sau khi kết hôn được vài tháng anh Q và chị H bắt đầu có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, chị H nghi ngờ anh Q ngoại tình. Vợ chồng anh chị đã nói chuyện nhưng không tìm được tiếng nói chung. Nay chị H xác định tình cảm của vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, chị Trịnh Thị H đề nghị Tòa án nhân dân quận HM giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Bùi Tiến Q.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trịnh Thị H đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H và anh Q không còn quan tâm, yêu thương, giúp đỡ nhau nên cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị H. cho Chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Bùi Tiến Q.

2.2. Về con chung: Chị Trịnh Thị H và anh Bùi Tiến Q có 02 con chung là cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 26/10/2010 và cháu Bùi Tiến S, sinh ngày 17/8/2012.

Xét về điều kiện xét điều kiện công việc và thu nhập bình quân hàng tháng của chị H. Hiện chị H đang có công việc làm kế toán thu nhập 10.000.000 đồng/ tháng, mức thu nhập ổn định. Cháu Bùi Khánh L đang ở cùng với anh Q và được bà nội hỗ trợ chăm sóc; cháu Bùi Tiến S hiện đang ở cùng chị H xét cháu S còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy để đảm bảo về ổn định sinh hoạt, về phát triển mọi

mặt của con chung và phù hợp với thực tế hiện nay, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung là cháu Bùi Khánh L cho anh Bùi Tiến Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Bùi Tiến S cho chị Trịnh Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trịnh Thị H tự nuôi cháu Bùi Tiến S, anh Bùi Tiến Q tự nuôi cháu Bùi Khánh L, do vậy không ai phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho nhau.

Chị Trịnh Thị H được quyền đi lại thăm nom chăm sóc Bùi Khánh L, anh Bùi Tiến Q được quyền đi lại thăm nom chăm sóc Bùi Tiến S không ai được quyền cản trở.

2.3. Về tài sản chung và nhà đất chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về các khoản nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2.5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng , án phí lệ

phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết:

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị H. Cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Bùi Tiến Q.

2. Về con chung: Chị Trịnh Thị H và anh Bùi Tiến Q có 02 con chung là cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 26/10/2010 và cháu Bùi Tiến S, sinh ngày 17/8/2012.

Giao con chung là cháu Bùi Tiến S, sinh ngày 17/8/2012 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Bùi Tiến S trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Giao con chung là cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 26/10/2010 cho anh Bùi Tiến Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Bùi Khánh L trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trịnh Thị H tự nuôi cháu Bùi Tiến S, anh Bùi Tiến Q tự nuôi cháu Bùi Khánh L, không ai phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho nhau.

Anh Bùi Tiến Q được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung Bùi Tiến S; chị Trịnh Thị H được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung Bùi Khánh L, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung là động sản và bất động sản: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000104 ngày 20 tháng 06 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận HM.

Chị Trịnh Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Bùi Tiến Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận

- TAND TP. HN;
- VKSND Q. HM;
- Chi cục THADS Q. HM;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị N